

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 51
8. Phụ lục	52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Gemadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-8) 38 236 236
- Fax : (84-8) 38 235 236

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên
Ông Bolat Duisenov	Thành viên



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Trần Thanh Thủy	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Minh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2007).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

49815
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
AN VÀ TƯ
& C
T.P.HỒ

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trung Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0472/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gemadept tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Hoàng Thái Vượng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2013-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.470.368.485.756	1.956.997.380.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	372.600.229.370	568.365.071.697
1. Tiền	111		56.096.146.037	234.495.071.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		316.504.083.333	333.870.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		61.741.580.440	120.545.853.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	141.722.199.042	144.874.562.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(79.980.618.602)	(85.353.029.080)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	-	61.024.320.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.011.889.086.638	1.237.879.458.618
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	300.047.041.553	312.375.504.590
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	101.925.018.727	69.967.162.297
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	27.400.000.000	170.002.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	589.310.820.668	703.368.197.042
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(6.793.794.310)	(17.833.405.311)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		14.111.209.966	23.904.542.399
1. Hàng tồn kho	141	V.8	14.111.209.966	23.904.542.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.026.379.342	6.302.454.572
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.940.905.830	2.085.309.238
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.356.747.537	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	4.728.725.975	4.217.145.334
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.740.628.280.233	4.196.691.552.977
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		89.275.632.500	143.099.132.500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	56.033.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	89.275.632.500	87.066.132.500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		396.628.165.366	351.146.822.176
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	366.509.675.436	332.299.069.202
- Nguyên giá	222		1.008.388.933.784	936.303.887.583
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(641.879.258.348)	(604.004.818.381)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	26.831.696.565	14.392.730.508
- Nguyên giá	225		31.462.733.435	14.592.547.596
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.631.036.870)	(199.817.088)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3.286.793.365	4.455.022.466
- Nguyên giá	228		11.458.486.153	11.458.486.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.171.692.788)	(7.003.463.687)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41.269.071.840	59.128.096.918
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	41.269.071.840	59.128.096.918
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.186.153.177.271	3.622.253.264.867
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	2.858.478.249.428	2.310.538.249.428
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	1.240.186.255.376	1.209.475.791.280
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	326.872.332.000	326.872.332.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(239.383.659.533)	(224.633.107.841)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.302.233.256	21.064.236.516
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	15.018.155.490	4.994.473.164
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	12.284.077.766	16.069.763.352
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.210.996.765.989	6.153.688.933.863

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.652.215.947.732	1.533.456.870.586
I. Nợ ngắn hạn	310		673.754.218.810	617.166.271.514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	76.767.735.737	69.295.869.307
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	8.330.376.271	6.509.573.223
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	721.196.738	22.587.302.977
4. Phải trả người lao động	314	V.18	19.125.674.880	14.055.370.460
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	162.206.155.736	96.894.361.572
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	52.295.738.531	65.432.864.774
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	282.155.810.640	277.688.542.614
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	59.783.861.859	56.982.318.300
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	12.367.668.418	7.720.068.287
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		978.461.728.922	916.290.599.072
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	543.506.515	857.354.183
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	967.058.882.476	903.181.681.890
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	10.859.339.931	12.251.562.999
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.558.780.818.257	4.620.232.063.277
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.558.780.818.257	4.620.232.063.277
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	1.196.219.940.000	1.161.379.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.196.219.940.000	1.161.379.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.25	69.388.382.902	69.388.382.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.25	(432.646.448)	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	52.564.113.317	44.814.492.012
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	49.450.048.410	41.700.427.105
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	720.116.505.676	831.474.346.858
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		564.331.722.160	831.474.346.858
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		155.784.783.516	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.210.996.765.989	6.153.688.933.863

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2016


Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởngĐỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

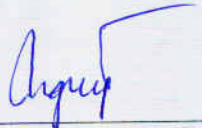
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	942.347.581.720	992.032.804.896
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		942.347.581.720	992.032.804.896
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	840.406.192.267	971.864.359.145
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		101.941.389.453	20.168.445.751
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	333.453.944.774	457.897.582.432
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	186.142.396.134	169.291.178.758
Trong đó: chi phí lãi vay	23		71.263.340.085	65.678.078.091
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.055.906.512	3.980.648.406
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	96.697.960.522	111.594.155.590
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		148.499.071.059	193.200.045.429
11. Thu nhập khác	31	VI.7	14.472.447.995	8.175.091.548
12. Chi phí khác	32	VI.8	309.137.934	57.492.513.649
13. Lợi nhuận khác	40		14.163.310.061	(49.317.422.101)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		162.662.381.120	143.882.623.328
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	4.484.135.086	80.437.354.128
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	2.393.462.518	(91.547.156.890)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>155.784.783.516</u>	<u>154.992.426.090</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2016


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		162.662.381.120	143.882.623.328
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	68.734.327.103	64.773.479.543
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7	(1.661.469.787)	57.747.019.616
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	87.060.505.101	17.128.973.263
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(314.181.932.585)	(437.435.401.775)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	71.263.340.085	65.678.078.091
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		73.877.151.037	(88.225.227.934)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		77.393.515.280	241.260.663.599
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.793.332.433	3.295.605.676
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(938.236.334)	(23.679.173.081)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.879.278.918)	9.261.402.790
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		3.152.363.638	304.650
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4, VII	(3.966.415.448)	(21.454.030.909)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(22.412.546.286)	(99.373.822.278)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	120.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(7.751.793.957)	(8.049.178.665)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		119.268.091.445	13.156.543.848
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.13	(130.097.532.373)	(37.728.499.882)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.7	30.545.300.876	11.966.636.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(96.000.000.000)	(1.847.766.850.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		355.659.320.000	1.758.716.336.203
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(578.350.464.096)	(451.585.373.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	885.079.063.017
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3, VII	321.887.864.379	146.401.095.016
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(96.355.511.214)	465.082.407.217

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.25	34.840.000.000	17.163.250.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		138.596.333.482	721.629.125.935
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(147.847.067.968)	(705.891.328.201)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.115.405.176)	(431.318.480)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.25	(239.246.781.000)	(149.209.150.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(218.772.920.662)	(116.739.421.146)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(195.860.340.431)	361.499.529.919
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		568.365.071.697	207.150.265.471
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		95.498.104	(284.723.693)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		372.600.229.370	568.365.071.697



TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2016

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

04498
ÔNG
NHIỆM
TOÁN VÀ
A &
H-T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.161.379.940.000 VND lên 1.196.219.940.000 VND từ việc phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 092/GMD-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 109/NQ-HDQT-2015 ngày 14 tháng 7 năm 2015.

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	81,60%	81,60%	81,60%
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	No.68B, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Gemadep (S) Pte. Ltd.	63 Market Street #05-01A, Bank of Singapore Centre, Singapore 048942	100%	100%	100%
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Nhơn Hội	98 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	53,20%	53,20%	53,20%
Công ty TNHH cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH ISS – Gemadep	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadep	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty cổ phần Gemadep Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadep	Đường số 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadep	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH MTV Gemadep Hải Phòng	Tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Plaza Business Center, đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱ⁾	Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	193C đại lộ Mao Tse Tong, Phường Beung Trabaek, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty cổ phần Hoa Sen Thái	193C đại lộ Mao Tse Tong,	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Bình Dương	Phường Beung Trabaek, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia			
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty cổ phần logistics Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	65,00%	65,00%	65,00%

- (i) Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	973 đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Lô J1, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	112 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	38,03%	38,03%	38,03%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	29,43%	29,43%	29,43%
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Khu vực Cái Mép, xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	41,67%	41,67%	41,67%



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	2A - 4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	39 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Campuchia	193C đại lộ Mao Tse Tong, Phường Beung Trabaek, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 294 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 293 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nguyên nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

3/300
CỔ
TÀI CHÍNH
M T O A
A
3/INH-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa tài sản

Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải là 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15-CT.T
TY
ƯU HẠN
TƯ VẤN
C
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.333.085.934	3.164.467.435
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.787.428.379	231.325.468.776
Tiền đang chuyển	2.975.631.724	5.135.486
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng</i>)	316.504.083.333	333.870.000.000
Cộng	<u>372.600.229.370</u>	<u>568.365.071.697</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	46.180.879.800	(48.790.150.200)	94.971.030.000	47.580.300.400	(47.390.729.600)
Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.488.264.362	13.854.828.000	(17.633.436.362)	31.490.628.000	8.126.999.500	(23.363.628.500)
Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	677.557.500	(13.556.763.600)	14.234.321.100	993.751.000	(13.240.570.100)
Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức	-	-	-	3.150.000.000	1.994.700.000	(1.155.300.000)
Các cổ phiếu khác	1.028.583.580	1.267.042.800	(268.440)	1.028.583.580	825.782.700	(202.800.880)
Cộng	<u>141.722.199.042</u>	<u>61.980.308.100</u>	<u>(79.980.618.602)</u>	<u>144.874.562.680</u>	<u>59.521.533.600</u>	<u>(85.353.029.080)</u>

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư với giá trị tương ứng là 3.569.360.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần thép Thủ Đức giảm do bán 100 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 610.000 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(85.353.029.080)	(83.967.077.430)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(1.385.951.650)
Hoàn nhập dự phòng	5.372.410.478	-
Số cuối năm	<u>(79.980.618.602)</u>	<u>(85.353.029.080)</u>

Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân đang phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	2.858.478.249.428	(66.766.361.565)	2.310.538.249.428	(60.336.727.637)
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	745.547.100.000	(34.281.479.467)	569.867.100.000	(27.130.749.721)
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	522.325.628.630	(25.884.597.572)	380.765.628.630	(22.336.349.686)
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	424.383.000.000	-	424.383.000.000	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	338.625.450.000	-	338.625.450.000	-
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept ⁽ⁱ⁾	200.000.000.000	-	80.000.000.000	-
Công ty TNHH cảng Phước Long	100.000.000.000	-	100.000.000.000	(5.176.417.375)
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	81.700.000.000	(5.922.676.848)	77.500.000.000	(4.991.256.362)
Công ty cổ phần logistics Nam Hải ⁽ⁱⁱ⁾	78.000.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	70.866.282.735	(177.607.678)	70.866.282.735	(176.589.722)
Công ty cổ phần Gemadept Vũng Tàu	67.200.000.000	-	67.200.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	60.000.000.000	-	60.000.000.000	(25.364.772)
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	41.730.000.000	-	41.730.000.000	-
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M ⁽ⁱ⁾	35.000.000.000	-	7.500.000.000	-
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	27.600.000.000	-	27.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	23.924.332.310	-	23.924.332.310	-
Gemadept (S) Pte. Ltd.	15.207.300.000	-	15.207.300.000	-
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	15.206.200.000	-	15.206.200.000	-
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	2.343.651.753	-	2.343.651.753	-
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng	2.182.000.000	-	2.182.000.000	-
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương ^(iv)	1.000.000.000	-	-	-
Các công ty con khác	2.137.304.000	(500.000.000)	2.137.304.000	(500.000.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.240.186.255.376	(55.905.271.935)	1.209.475.791.280	(46.420.578.851)
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	834.150.000.000	(54.365.992.148)	834.150.000.000	(45.520.092.223)
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	141.250.000.000	-	141.250.000.000	-
Công ty TNHH Golden Globe ⁽ⁱ⁾	89.355.403.136	-	83.745.403.136	-
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng ⁽ⁱ⁾	62.538.064.097	-	42.761.600.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	49.825.280.000	-	49.825.280.000	-
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	23.236.200.000	-	23.236.200.000	-
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	18.754.608.143	(931.307.877)	18.754.608.144	(900.486.628)
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	9.642.000.000	-	9.642.000.000	-
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept ⁽ⁱ⁾	6.324.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	5.110.700.000	(607.971.910)	5.110.700.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	326.872.332.000	(116.712.026.033)	326.872.332.000	(117.875.801.353)
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải	165.581.032.000	(113.572.432.000)	165.581.032.000	(113.572.432.000)
Công ty TNHH CJ Việt Nam	140.415.300.000	-	140.415.300.000	-
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam	15.876.000.000	-	15.876.000.000	-
Công ty cổ phần quản lý quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(3.139.594.033)	5.000.000.000	(4.303.369.353)
Cộng	4.425.536.836.804	(239.383.659.533)	3.846.886.372.708	(224.633.107.841)

(i) Tăng do góp vốn bổ sung.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 022031000186 ngày 29 tháng 6 năm 2015 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần logistics Nam Hải 78.000.000.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ.

(iii) Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trước các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305673056 đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 13 tháng 02 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư 1.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương là 9.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(224.633.107.841)	(174.331.814.005)
Trích lập dự phòng bổ sung	(14.750.551.692)	(50.301.293.836)
Số cuối năm	(239.383.659.533)	(224.633.107.841)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Thanh lý tài sản cố định	-	490.909.901
Cho vay	-	26.000.000.000
Lãi cho vay	1.136.048.611	478.361.111
Cổ tức được chia	9.987.284.157	-
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Góp vốn	27.500.000.000	-
Lợi nhuận được chia	754.000.000	-
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.		
Chi phí dịch vụ đại lý	538.526.124	828.997.343
Gemadept (S) Pte. Ltd.		
Chi hộ	21.546.221.442	18.023.294.139
Chi phí dịch vụ	52.754.190.562	19.485.525.000
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Cho thuê tài sản, thanh lý tài sản cố định	52.642.727.252	26.086.363.636
Doanh thu dịch vụ	10.461.327.493	2.813.827.487
Chi phí dịch vụ	13.621.543.374	44.032.721.787
Chi hỗ trợ vốn	-	14.600.000.000
Cho vay	85.000.000.000	100.000.000.000
Lãi cho vay	3.505.794.446	1.641.808.333
Lợi nhuận được chia	11.600.000.000	-
Chi hộ	198.600.880	231.722.642
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept		
Lợi nhuận được chia	59.000.000.000	158.000.000.000
Chi hộ	3.392.246.888	1.317.228.221
Cho vay	-	18.973.000.000
Lãi cho vay	1.817.451.205	4.562.331.389
Doanh thu dịch vụ	19.247.129.212	13.070.320.354
Chi phí dịch vụ	54.711.364.675	77.195.980.521
Thu hộ	-	1.534.952.568
Lãi góp vốn đầu tư	-	350.000.000
Góp vốn	120.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Lợi nhuận được chia	9.000.000.000	-
Thu hộ	-	133.045.140
Mượn tiền	-	10.500.000.000
Doanh thu dịch vụ	73.059.979.514	74.057.424.286
Chi phí dịch vụ	64.859.334.557	73.404.154.801
Chi hộ	50.304.178	41.078.987
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ		
Doanh thu cho thuê	4.320.000.000	4.320.000.000
Cổ tức được chia	9.025.200.000	5.823.600.000
Công ty TNHH ISS – Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	141.199.962	-
Chi hộ	43.352.400	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Cổ tức được chia	186.570.599.059	195.385.153.504
Lãi cho vay	-	588.272.222
Doanh thu dịch vụ	5.146.349.798	5.460.021.436
Chi phí dịch vụ	1.516.204.822	1.028.011.429
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Góp vốn	-	120.000.000.000
Cho vay	-	48.000.000.000
Lãi cho vay	3.092.599.443	11.247.933.985
Chi phí dịch vụ	1.434.245.509	897.349.278
Doanh thu dịch vụ	10.636.363.631	-
Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương		
Chi hộ	244.104.095	158.231.094
Thu hộ	-	5.727.042
Mượn tiền	-	8.000.000.000
Lợi nhuận được chia	-	2.000.000.000
Công ty TNHH công nghiệp cao su Thái Bình Dương		
Góp vốn	4.200.000.000	3.600.000.000
Chi hộ	363.096.000	377.405.304
Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tín		
Chi phí dịch vụ	1.380.000.000	750.000.000
Chi hộ	-	873.097.175
Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương		
Góp vốn	141.560.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	175.680.000.000	318.613.500.000
<i>Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	1.000.000.000	-
Doanh thu dịch vụ	3.819.762.893	-
<i>Công ty cổ phần logistics Nam Hải</i>		
Góp vốn	78.000.000.000	-
<i>Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn</i>		
Chi phí dịch vụ	95.676.382	397.490.495
Cổ tức được chia	5.650.000.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link</i>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	283.350.000	213.928.000
Lãi vay	1.224.433.344	1.161.036.839
<i>Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept</i>		
Doanh thu dịch vụ	307.209.750	-
Chi hộ	75.000.000	126.897.000
Ký quỹ	72.304.500	-
Góp vốn	5.324.000.000	1.000.000.000
<i>Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu</i>		
Cổ tức được chia	1.253.460.000	-
<i>Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam</i>		
Doanh thu dịch vụ	275.459.000	-
<i>Công ty TNHH Golden Globe</i>		
Góp vốn	5.610.000.000	38.127.720.000
<i>Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm</i>		
Cổ tức được chia	209.126.000	159.289.000
<i>Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực</i>		
Cổ tức được chia	1.251.180.000	893.700.000
<i>Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng</i>		
Góp vốn	19.776.464.097	-
<i>Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm</i>		
Cho mượn tiền	-	10.000.000.000
Góp vốn	-	290.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố

Công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.21a) và dùng toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải để đảm bảo cho khoản vay chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty quỹ VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P (xem thuyết minh số V.21b).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	201.796.755.008	186.722.625.298
Gemadept (S) Pte. Ltd.	129.714.795.929	133.350.263.078
Công ty TNHH cảng Phước Long	39.006.272.049	22.154.158.334
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	12.202.929.497	16.302.999.421
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	10.303.795.621	3.366.000.000
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	3.781.693.512	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	2.432.093.859	5.320.270.576
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	2.376.000.000	4.752.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	1.500.000.000	998.572.778
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	440.000.000	-
Công ty TNHH ISS – Gemadept	39.174.541	-
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	-	478.361.111
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	98.250.286.545	125.652.879.292
Các khách hàng khác	98.250.286.545	125.652.879.292
Cộng	300.047.041.553	312.375.504.590

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	13.791.398.392	6.021.434.386
Công ty TNHH cảng Phước Long	9.561.825.978	6.021.434.386
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	4.229.572.414	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	88.133.620.335	63.945.727.911
Công ty cổ phần Bông Sen Vàng	30.330.000.000	28.130.000.000
Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ Đất Việt	19.928.394.000	-
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	17.604.638.455	22.921.570.755
Công ty TNHH sản xuất – thương mại Huy Hiền	13.728.484.429	-
Unico Handels GMBH	-	6.919.959.900
Các nhà cung cấp khác	6.542.103.451	5.974.197.256
Cộng	101.925.018.727	69.967.162.297

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn****5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	27.400.000.000	160.002.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	-	110.802.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	27.400.000.000	49.200.000.000
<i>Cho tổ chức khác vay</i>	-	10.000.000.000
Các công ty khác	-	10.000.000.000
Cộng	27.400.000.000	170.002.000.000

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>		
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	-	36.033.000.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	-	20.000.000.000
Cộng	-	56.033.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	504.917.949.019	-	609.457.325.579	-
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – Chi hộ, cổ tức	181.240.319.384	-	170.655.096.000	-
Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương – Chi hộ	108.211.015.433	-	213.322.634.679	-
Gemadept (S) Pte. Ltd. – Chi hộ	99.307.530.261	-	71.868.128.456	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải – Cổ tức	60.000.000.000	-	113.385.153.504	-
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ – Hỗ trợ vốn, chi hộ, cổ tức	29.724.800.000	-	20.699.600.000	-
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – Cổ tức	9.987.284.157	-	-	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Chi hộ, cổ tức	5.006.509.300	-	60.253.196	-
Công ty cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương – Chi hộ	4.694.546.220	-	4.680.026.659	-
Công ty TNHH cảng Phước Long – Cổ tức	3.600.000.000	-	-	-
Grand Pacific Shipping – Chi hộ	1.267.740.245	-	1.181.618.854	-
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín – Chi hộ	737.651.050	-	509.200.010	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm – Hỗ trợ vốn	500.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương – Chi hộ	340.552.969	-	96.448.874	-
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng – Hỗ trợ vốn	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương – Chi hộ	-	-	1.378.568.347	-
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực – Cổ tức	-	-	893.700.000	-
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M – Hỗ trợ vốn	-	-	300.000.000	-
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept – Chi hộ	-	-	126.897.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	84.392.871.649	-	93.910.871.463	-
Tạm ứng	39.968.465.285	-	41.553.824.845	-
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	20.147.931.973	-	29.571.349.439	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	4.916.380.268	-	5.117.164.668	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	19.360.094.123 (3.000.000.000)	-	17.668.532.511 (3.000.000.000)	-
Cộng	589.310.820.668 (3.000.000.000)	-	703.368.197.042 (3.000.000.000)	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	44.840.000.000	-	42.708.000.000	-
Grand Pacific Shipping Pte Ltd – Ký quỹ thuê tàu	44.840.000.000	-	42.708.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	44.435.632.500	-	44.358.132.500	-
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Ký quỹ dài hạn	7.435.632.500	-	7.358.132.500	-
Cộng	89.275.632.500	-	87.066.132.500	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Bà Nguyễn Thị Hồng Linh – Phải thu về kinh doanh chứng khoán	Trên 3 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)	Trên 3 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Penex Container lines Pte. Ltd – Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	2.763.212.976	(2.763.212.976)	Trên 3 năm	2.763.212.976	(2.763.212.976)
Công ty cổ phần thương mại dầu khí Vũ Anh – Phải thu tiền bán hàng		-	-	Trên 3 năm	11.000.000.000	(11.000.000.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 1 năm đến trên 3 năm	1.219.581.334	(1.030.581.334)	Từ 1 năm đến trên 3 năm	1.259.192.335	(1.070.192.335)
Cộng		6.982.794.310	(6.793.794.310)		18.022.405.311	(17.833.405.311)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(17.833.405.311)	(11.773.637.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(6.059.768.311)
Hoàn nhập dự phòng	11.039.611.001	-
Số cuối năm	(6.793.794.310)	(17.833.405.311)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nhiên liệu trên tàu	7.611.440.598	-	17.713.743.402	-
Hàng hóa	6.499.769.368	-	6.190.798.997	-
Cộng	14.111.209.966	-	23.904.542.399	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	996.411.349	725.721.805
Chi phí vật tư	494.585.139	1.108.499.660
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	449.909.342	251.087.773
Cộng	1.940.905.830	2.085.309.238

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi thuê tài chính container	7.944.878.291	4.701.317.745
Chi phí sửa chữa tài sản	5.309.441.141	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.141.152.628	293.155.419
Cộng	15.018.155.490	4.994.473.164

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.281.263.332	106.657.200.593	815.159.997.077	7.205.426.581	936.303.887.583
Mua sắm mới	-	4.264.819.940	72.848.057.329	30.640.000	77.143.517.269
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	20.285.975.914	-	20.285.975.914
Thanh lý	-	(5.158.403.531)	(20.220.571.191)	-	(25.378.974.722)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	27.822.600	6.705.140	34.527.740
Số cuối năm	7.281.263.332	105.763.617.002	888.101.281.729	7.242.771.721	1.008.388.933.784
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.925.462.908	101.561.721.782	142.413.512.536	7.122.257.235	253.022.954.461
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.835.102.784	106.566.327.141	484.412.616.209	7.190.772.247	604.004.818.381
Khấu hao trong năm	394.666.898	788.171.305	61.932.767.476	19.272.541	63.134.878.220
Thanh lý	-	(5.066.750.175)	(20.220.571.191)	-	(25.287.321.366)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	20.667.245	6.215.868	26.883.113
Số cuối năm	6.229.769.682	102.287.748.271	526.145.479.739	7.216.260.656	641.879.258.348
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.446.160.548	90.873.452	330.747.380.868	14.654.334	332.299.069.202
Số cuối năm	1.051.493.650	3.475.868.731	361.955.801.990	26.511.065	366.509.675.436
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 76.901.408.837 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.21b).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	14.592.547.596
Thuê tài chính trong năm	16.870.185.839
Số cuối năm	31.462.733.435
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	199.817.088
Khấu hao trong năm	4.431.219.782
Số cuối năm	4.631.036.870
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	14.392.730.508
Số cuối năm	26.831.696.565

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Số cuối năm	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	701.475.063	701.475.063
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	7.003.463.687	7.003.463.687
Khấu hao trong năm	-	1.168.229.101	1.168.229.101
Số cuối năm	-	8.171.692.788	8.171.692.788
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.250.403.410	3.204.619.056	4.455.022.466
Số cuối năm	1.250.403.410	2.036.389.955	3.286.793.365
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 343.848.410 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.21a).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Phần mềm GSS	630.000.000	-	-	-	630.000.000
Phần mềm ORC	6.493.714.058	-	-	-	6.493.714.058
Chi phí mua cầu, xe nâng	51.975.132.860	110.632.654	(20.285.975.914)	(120.000.000)	31.679.789.600
Chi phí khác	29.250.000	2.436.318.182	-	-	2.465.568.182
Cộng	59.128.096.918	2.546.950.836	(20.285.975.914)	(120.000.000)	41.269.071.840

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.069.763.352	749.631.551
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(3.785.685.586)	15.320.131.801
Số cuối năm	12.284.077.766	16.069.763.352

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 22%).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	19.707.203.376	15.919.656.544
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	16.058.102.740	14.290.346.068
Gemadept (S) Pte. Ltd	3.275.534.000	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	265.766.636	54.036.257
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	107.800.000	118.790.792
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	-	1.456.483.427
Phải trả các nhà cung cấp khác	57.060.532.361	53.376.212.763
Phnom Penh Autonomous Port	9.271.312.848	6.119.620.778
Các nhà cung cấp khác	47.789.219.513	47.256.591.985
Cộng	76.767.735.737	69.295.869.307

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Sea Consortium Pte Ltd	3.981.636.890	-
Công ty TNHH Express Trains Ath	1.750.000.000	510.000.000
Hyundai Logistics (Singapore) Pte Ltd	838.878.808	3.460.494
Louis Dreyfus Commodities Asia Pte Ltd	450.400	1.337.098.305
NYK Bulk & Projects Carriers Ltd	-	919.317.138
Kalyan Shipping Ltd	-	847.154.889
Các khách hàng khác	1.759.410.173	2.892.542.397
Cộng	8.330.376.271	6.509.573.223

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.906.281.223	7.398.111.836	(6.532.371.511)	-	3.040.540.898
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	6.927.515.895	(6.927.515.895)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	19.367.807	(19.367.807)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.181.192.062	(1.181.192.062)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.579.760.548	-	3.819.095.615	(21.772.677.129)	-	1.373.820.966
Thuế thu nhập cá nhân	4.193.726.166	-	10.310.882.832	(14.435.317.957)	69.291.041	-
Thuế môn bài	-	900.000	6.000.000	(6.000.000)	-	900.000
Các loại thuế khác	1.673.208.073	309.964.111	18.418.785.846	(19.609.366.725)	486.127.194	313.464.111
- Thuế nhà thầu	1.673.208.073	-	18.144.858.041	(19.331.938.920)	486.127.194	-
- Thuế khác	-	309.964.111	273.927.805	(277.427.805)	-	313.464.111
Cộng	22.446.694.787	4.217.145.334	48.080.951.893	(70.483.809.086)	555.418.235	4.728.725.975

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Chi nhánh Campuchia

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.608.189	665.039.471	(639.869.157)	165.778.503
Cộng	140.608.189	665.039.471	(639.869.157)	165.778.503

18. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	3.760.666.699	2.401.727.190
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	3.760.666.699	2.401.727.190
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	158.445.489.037	94.492.634.382
Chi phí lãi vay	145.070.255.864	79.132.270.736
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	13.375.233.173	15.360.363.646
Cộng	162.206.155.736	96.894.361.572



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	26.632.484.708	45.728.077.536
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – Nhận hỗ trợ vốn	10.293.585.975	10.293.585.975
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương – Nhận hỗ trợ vốn	6.537.335.653	8.279.000.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Mượn tiền, nhờ chi hộ và dịch vụ đại lý	4.325.911.893	21.085.413.395
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng – Nhận hỗ trợ vốn	2.142.000.000	2.142.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept – Thu hộ và phải trả khác	1.920.884.393	1.920.884.393
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd. – Thu hộ	969.622.819	942.227.649
Gemadept (S) Pte. Ltd. – Thu hộ	427.091.350	-
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – Thu hộ	16.052.625	301.407.658
Công ty TNHH cảng Phước Long – Thu hộ và phải trả khác	-	763.558.466
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	25.663.253.823	19.704.787.238
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	20.943.331.095	15.528.556.134
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.256.213.840	794.719.481
Cổ tức phải trả	194.185.350	196.978.350
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.269.523.538	3.184.533.273
Cộng	52.295.738.531	65.432.864.774

20b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	72.304.500	-
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept – Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng	72.304.500	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	471.202.015	857.354.183
Nhận ký quỹ dài hạn	471.202.015	857.354.183
Cộng	543.506.515	857.354.183

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	242.195.602.360	229.655.634.780
Vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng	242.195.602.360	229.655.634.780

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác		
	39.960.208.280	48.032.907.834
Vay ngắn hạn ngân hàng	22.966.355.252	42.032.907.834
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱ⁾	22.966.355.252	14.144.396.311
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	27.888.511.523
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	9.685.800.000	6.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	7.308.053.028	-
Cộng	282.155.810.640	277.688.542.614

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
 - Cầm cố 13.868.960 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	36.321.750.000	30.000.000.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Thuận	-	30.000.000.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	36.321.750.000	-
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty quỹ VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P ⁽ⁱⁱ⁾	900.800.000.000	854.160.000.000
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	29.937.132.476	19.021.681.890
Cộng	967.058.882.476	903.181.681.890

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để phục vụ hoạt động kinh doanh với thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).

- (ii) Vay chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty quỹ VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:

Hạn mức vay	: 40.000.000,00 USD
Thời gian ân hạn	: 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
Trả gốc	: Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
Lãi suất	: Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Mục đích vay : Giải ngân đầu tư cho các dự án phát triển cảng, phát triển dịch vụ logistics, mua sắm phương tiện vận tải, thiết bị xếp dỡ và dự án trồng rừng tại Campuchia.
- Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:
- Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;
 - Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	46.007.550.000	9.685.800.000	36.321.750.000	-
Vay dài hạn tổ chức khác	900.800.000.000	-	900.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	37.245.185.504	7.308.053.028	28.582.921.327	1.354.211.149
Cộng	984.052.735.504	16.993.853.028	965.704.671.327	1.354.211.149
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	36.000.000.000	6.000.000.000	30.000.000.000	-
Vay dài hạn tổ chức khác	854.160.000.000	-	854.160.000.000	-
Nợ thuê tài chính	19.021.681.890	-	16.331.412.934	2.690.268.956
Cộng	909.181.681.890	6.000.000.000	900.491.412.934	2.690.268.956

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	5.494.092.507	21.558.238.160	1.175.317.740	28.227.648.407
Lãi thuê phải trả	1.813.960.521	7.024.683.167	178.893.409	9.017.537.097
Nợ thuê tài chính phải trả	7.308.053.028	28.582.921.327	1.354.211.149	37.245.185.504
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	-	12.151.673.236	1.887.280.780	14.038.954.016
Lãi thuê phải trả	-	4.179.739.698	802.988.176	4.982.727.874
Nợ thuê tài chính phải trả	-	16.331.412.934	2.690.268.956	19.021.681.890

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.720.068.287	(546.902.189)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	12.399.394.088	16.316.149.141
Chi quỹ	(7.751.793.957)	(8.049.178.665)
Số cuối năm	12.367.668.418	7.720.068.287

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất khi chuyển nhượng tòa nhà Gemadept. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.251.562.999	88.478.588.088
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(1.392.223.068)	(76.227.025.089)
Số cuối năm	10.859.339.931	12.251.562.999

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (năm trước thuế suất là 22%).

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 52.

25b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.621.994	116.137.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	119.621.994	116.137.994
- Cổ phiếu phổ thông	119.621.994	116.137.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.621.994	116.137.994
- Cổ phiếu phổ thông	119.621.994	116.137.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

26a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	24.710.208.000	24.710.208.000
Trên 01 năm đến 05 năm	37.065.312.000	61.775.520.000
Cộng	61.775.520.000	86.485.728.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê và phí quản lý phải trả cho việc thuê văn phòng Công ty TNHH CJ Việt Nam tại số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

26b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.383.536,72	428.733,51
Euro (EUR)	111,18	1.182.201,01

26c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	1.277.515.915	1.277.515.915	Do Công ty này đã giải thể
Các đối tượng khác	1.178.185.965	1.178.185.965	Không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>2.455.701.880</u>	<u>2.455.701.880</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	940.806.739.641	990.768.500.544
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.540.842.079	1.264.304.352
Cộng	<u>942.347.581.720</u>	<u>992.032.804.896</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	11.081.293.694	9.000.853.826
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	150.124.840	617.207.307
Lãi tiền cho vay	9.613.004.816	19.636.282.799
Cổ tức, lợi nhuận được chia	295.608.490.216	388.652.441.687
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.512.217.677	8.727.586.966
Lãi bán các khoản đầu tư	419.360.000	31.263.166.124
Doanh thu tài chính khác	69.453.531	43.723
Cộng	<u>333.453.944.774</u>	<u>457.897.582.432</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	71.263.340.085	65.678.078.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	18.298.910.415	17.183.633.858
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	87.060.505.101	17.128.973.263
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	1.753.638	4.436.861.993
Chi phí chuyển nhượng vốn	-	13.087.620.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	9.378.141.214	51.687.251.305
Chi phí tài chính khác	139.745.681	88.760.248
Cộng	<u>186.142.396.134</u>	<u>169.291.178.758</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng, môi giới	3.327.321.370	3.156.727.515
Các chi phí khác	728.585.142	823.920.891
Cộng	<u>4.055.906.512</u>	<u>3.980.648.406</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	50.029.687.403	48.424.694.010
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.459.172.325	1.567.845.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.251.962.921	4.571.075.789
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(11.039.611.001)	5.763.212.976
Chi phí thuê văn phòng	24.087.929.636	21.390.752.162
Các chi phí khác	27.908.819.238	29.876.574.916
Cộng	<u>96.697.960.522</u>	<u>111.594.155.590</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	8.960.437.553	6.407.139.332
Các khoản thu nhập khác	5.512.010.442	1.767.952.216
Cộng	<u>14.472.447.995</u>	<u>8.175.091.548</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dự phòng tổn thất	-	55.361.948.296
Các khoản chi phí khác	309.137.934	2.130.565.353
Cộng	<u>309.137.934</u>	<u>57.492.513.649</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.785.685.586	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(15.320.131.801)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.392.223.068)	(76.227.025.089)
Cộng	<u>2.393.462.518</u>	<u>(91.547.156.890)</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.615.799.642	297.881.126.021
Chi phí nhân công	104.102.350.885	100.999.342.070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.734.327.103	64.773.479.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	563.522.525.036	593.897.297.712
Chi phí khác	6.185.056.635	29.887.917.795
Cộng	<u>941.160.059.301</u>	<u>1.087.439.163.141</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Đầu tư góp vốn bằng cách cán trừ công nợ	300.000.000	40.000.000.000
Chuyển nhượng vốn góp chưa thu tiền	-	1.256.340.713
Lãi vay chưa thanh toán	148.830.922.563	81.533.997.926
Cổ tức, lợi nhuận được chia còn phải thu	274.086.084.157	290.752.453.504
Cộng	<u>423.152.699.910</u>	<u>413.542.792.143</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	5.064.062.000	3.064.140.000
Thu nhập khác	2.324.800.000	729.900.000
Cộng	7.388.862.000	3.794.040.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt năm nay tăng so với năm trước là do trong năm Công ty đã bổ nhiệm thêm 03 Phó Tổng Giám đốc mới.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	Công ty con
Gemadept (S) Pte. Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS – Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần Gemadept Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương
Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương
Công ty cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương
Công ty cổ phần logistics Nam Hải
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm
Công ty TNHH Golden Globe
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link
Công ty TNHH tiếp vận “K” Line – Gemadept
Grand Pacific Shipping Pte Ltd

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty con của công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.15, V.19, V.20 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Trong năm 2014, Công ty đã chuyển nhượng 85% phần vốn góp tại Công ty TNHH CJ Việt Nam. Từ thời điểm đó trở đi, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động logistic, bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý... (chiếm đến 99,84% tổng doanh thu).

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	643.970.469.189	691.679.016.569
Nước ngoài	298.377.112.531	300.353.788.327
Cộng	<u>942.347.581.720</u>	<u>992.032.804.896</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	115.437.454.173	57.514.160.675
Nước ngoài	2.273.025.693	-
Cộng	117.710.479.866	57.514.160.675

Chi tiết về tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong nước	1.849.102.286.125	1.980.488.968.936
Nước ngoài	97.935.053.437	183.531.096.531
Cộng	1.947.037.339.562	2.164.020.065.467

3. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

Các chỉ tiêu được trình bày lại như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước</u> <u>trình bày lại</u>	<u>Trình bày lại</u>	<u>Số liệu sau</u> <u>trình bày lại</u>
Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư ngắn hạn		858.300.882.680	(858.300.882.680)	-
Chứng khoán kinh doanh	121	-	144.874.562.680	144.874.562.680
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(112.662.905.251)	112.662.905.251	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	(85.353.029.080)	(85.353.029.080)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	61.024.320.000	61.024.320.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	170.002.000.000	170.002.000.000
Các khoản phải thu khác		656.697.207.529	(656.697.207.529)	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	-	703.368.197.042	703.368.197.042
Tài sản ngắn hạn khác	155	46.670.989.513	(46.670.989.513)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	56.033.000.000	56.033.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	37.000.000.000	50.066.132.500	87.066.132.500
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	727.075.791.280	482.400.000.000	1.209.475.791.280
Đầu tư dài hạn khác		382.905.332.000	(382.905.332.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	326.872.332.000	326.872.332.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(197.323.231.670)	(27.309.876.171)	(224.633.107.841)
Tài sản dài hạn khác	268	50.066.132.500	(50.066.132.500)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

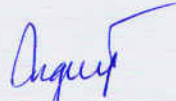
	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước trình bày lại</u>	<u>Trình bày lại</u>	<u>Số liệu sau trình bày lại</u>
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Thu nhập khác	31	8.774.588.579	(599.497.031)	8.175.091.548
Chi phí khác	32	58.092.010.680	(599.497.031)	57.492.513.649
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	247.598.878.979	(6.338.215.380)	241.260.663.599
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(23.365.610.921)	(313.562.160)	(23.679.173.081)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	13.369.231.243	(13.249.231.243)	120.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(27.950.187.448)	19.901.008.783	(8.049.178.665)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2016


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	1.144.216.690.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	-	34.616.898.799	31.502.833.892	852.558.849.135	4.603.758.129.128
Tăng vốn trong năm	17.163.250.000	-	-	-	-	-	-	17.163.250.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	154.992.426.090	154.992.426.090
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(139.365.592.800)	(139.365.592.800)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	10.197.593.213	10.197.593.213	(36.711.335.567)	(16.316.149.141)
Số dư cuối năm trước	1.161.379.940.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	-	44.814.492.012	41.700.427.105	831.474.346.858	4.620.232.063.277
Số dư đầu năm nay	1.161.379.940.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	-	44.814.492.012	41.700.427.105	831.474.346.858	4.620.232.063.277
Tăng vốn trong năm	34.840.000.000	-	-	-	-	-	-	34.840.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	155.784.783.516	155.784.783.516
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	7.749.621.305	7.749.621.305	(27.898.636.698)	(12.399.394.088)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(239.243.988.000)	(239.243.988.000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng USD sang VND	-	-	-	(432.646.448)	-	-	-	(432.646.448)
Số dư cuối năm nay	1.196.219.940.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	(432.646.448)	52.564.113.317	49.450.048.410	720.116.505.676	4.558.780.818.257

(Handwritten signature)

Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu

(Handwritten signature)

Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2016

Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

